

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ - ST

Ngày 16 – 4 – 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Như Vũ.

2. Ông Nguyễn Sự.

- Thư ký phiên toà: Bà Hạp Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021.

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1978; HKTT: Số 37, ngõ 79, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; HKTT: Số 37, ngõ 79, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: Số 137, khu 6, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là Anh Nguyễn Quang T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn từ ngày 22/4/2005 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị H không có trách nhiệm với gia đình và khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là chị H lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay thấy vợ chồng không còn tình cảm nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 06/11/2005 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/9/2012. Hiện cả 02 con đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh đang làm lái xe riêng thu nhập bình quân hàng tháng là 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí với lời trình bày của anh T về thời gian, điều kiện kết hôn như anh T trình bày. Chị xác nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn anh Nguyễn Quang T.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị tự kinh doanh quán ăn sáng và làm tóc ở nhà, thu nhập từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Anh Nguyễn Quang T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H và nuôi cả 02 con chung. Nếu buộc phải nuôi một con thì anh theo nguyện vọng các cháu và có nguyện vọng được nuôi cháu B. Chị H không thể đảm bảo được việc chăm sóc con cái do chị H còn có con riêng. Hiện anh đang làm lái xe thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng. Anh không cấm cản việc chị H thăm nom, chăm sóc con cái mà chị H gặp con ở đâu cũng được trừ nhà anh. Vì anh không cho phép chị quay lại nhà anh.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đồng ý ly hôn anh T và nuôi cả 02 con chung. Nếu buộc phải nuôi một trong hai con chị đề nghị được nuôi cháu B. Do cháu B còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Con riêng của chị hiện đã đi làm, có cuộc sống riêng và tự chăm sóc được bản thân. Anh T hiện đang nuôi cả 02 con chung nhưng anh T không cho chị thăm nom con chung, cũng như không có trách nhiệm chăm sóc, đóng tiền học cho con. Chị hàng ngày vẫn cho các cháu tiền ăn sáng cũng như cho các cháu tiền học.

Tòa án công bố lời khai, các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm,

đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao cho Anh Nguyễn Quang T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 06/11/2005. Chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 19/9/2012. Quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp, Anh Nguyễn Quang T yêu cầu xin ly hôn chị Nguyễn Thị H và giải quyết nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Bị đơn chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và nơi cư trú hiện nay tại phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 22/4/2005. Trước khi kết hôn anh T, chị H đã tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh T, chị H đều thừa nhận vợ chồng chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi cọ và vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Anh T, chị H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T chị H đã xảy ra trên thực tế và thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T đề nghị ly hôn, chị H đồng ý ly hôn. Vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị H.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H có 02 con chung là Nguyễn Hương G, sinh ngày 06/11/2005 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/9/2012. Hiện nay cả 02 con đang ở cùng anh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Tại bản trình bày ý kiến cháu Bảo xin được ở với bố, cháu G nguyên vọng ở với bố, để cháu B ở với mẹ vì em nhỏ nên khi ở với mẹ mới đảm bảo được sự chăm sóc hơn. Hội đồng xét xử xét thấy anh T, chị H đều có công việc và thu nhập, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cả anh T, chị H đều tha thiết được nuôi các cháu. Tuy nhiên, anh T làm lái xe riêng, công việc bận do phải đi lại nhiều, thời gian đi làm không ổn định phụ thuộc công việc. Còn chị H mở cửa hàng tại nhà nên sẽ có nhiều thời gian hơn anh T. Hơn nữa, cháu B vẫn còn nhỏ, vẫn cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống và nuôi dưỡng tốt nhất cho các cháu, cần xử mỗi người nuôi một con chung và giao cháu B cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu G cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho Anh Nguyễn Quang T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 06/11/2005. Chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 19/9/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí dân sự: Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận Anh Nguyễn Quang T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0000724 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thanh Ngọc

